



Tầm nhìn mới về điện khí LNG cho phát triển năng lượng tại Quy hoạch điện VIII

PGS.TS. NGÔ TRÍ LONG

Chuyên gia kinh tế

LÊ VĂN TÙNG

Trưởng Sỹ quan chính trị

Than đá, dầu mỏ, khí đốt tự nhiên là ba loại nhiên liệu hóa thạch được sử dụng phổ biến để phát triển điện ở nhiều quốc gia, trong đó, điện khí LNG là loại năng lượng kỳ vọng giúp giảm phát thải các-bon, nhờ đó giảm thiểu tối đa tác động tiêu cực lên môi trường và bầu khí quyển. Khí LNG được sử dụng rộng rãi ở nhiều lĩnh vực, có thể thay thế khí khô, phục vụ nhu cầu khí của các nhà máy điện, mặt khác, điện khí LNG còn có ưu điểm linh hoạt, đảm bảo nguồn cung không bị gián đoạn do yếu tố thời tiết. LNG được coi là “nhiên liệu cầu nối” trong quá trình chuyển dịch từ năng lượng hóa thạch sang các loại nhiên liệu xanh, sạch, thân thiện với môi trường. Tại Việt Nam, Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Quy hoạch điện VIII) đã xác định nguồn nhiệt điện khí tái hóa từ LNG (khí LNG) chiếm tỷ trọng khoảng hơn 14,9% tổng công suất toàn hệ thống phát điện quốc gia vào năm 2030 và là một trong các nguồn giúp đảm bảo cung cấp đủ, ổn định, an toàn hệ thống điện quốc gia. Khi ngành công nghiệp khí LNG phát triển thuận lợi sẽ đóng góp tích cực vào an ninh năng lượng và phát triển bền vững đất nước.

1. PHÁT TRIỂN ĐIỆN KHÍ LNG, XU HƯỚNG TẤT YẾU CHO AN NINH NĂNG LƯỢNG Ở VIỆT NAM

Kể từ giữa những năm 1990 trở lại đây, khi biến đổi khí hậu ảnh hưởng rõ nét tới môi trường sống trên Trái đất thì nguồn phát thải gây ô nhiễm môi trường đã được chú ý và tìm biện pháp giảm thiểu, đồng thời, việc sử dụng nhiên liệu hóa thạch truyền thống (than đá, dầu thô) ngày một hạn chế. Con người hướng tới sử dụng những dạng nhiên liệu bền hơn, sạch hơn, ít gây ô nhiễm môi trường sống hơn. Ngành điện Việt Nam thì hướng tới giải pháp tìm nguồn điện sạch, thời gian hoạt động dài, ổn định, nhằm đáp ứng yêu cầu “đảm bảo cấp điện ổn định” và “không gây ô nhiễm môi trường”.

Việc phát triển nguồn điện nền của Việt Nam trong thời gian tới được dự báo là sẽ gặp nhiều khó khăn, thách thức, nhất là trong bối cảnh thủy điện cơ bản hết dư địa phát triển; nhiệt điện than không được phát triển thêm sau năm 2030 theo cam kết với quốc tế; điện sinh khối công suất nhỏ và giá thành không dễ cạnh tranh; điện hạt nhân chưa được xác định cụ thể, trong khi điện khí hydro, amoniac còn nhiều vướng mắc để thương mại hóa. Vì thế, phát triển nhiệt điện khí (cả tự nhiên và LNG) là hướng đi tất yếu, đóng vai trò rất quan trọng trong việc bảo đảm cung cấp điện cho nền kinh tế và thúc đẩy chuyển dịch năng lượng ở Việt Nam, bởi nguồn điện LNG có khả năng chạy nền, khởi động nhanh, sẵn sàng bổ sung và cung cấp điện nhanh cho hệ thống khi các nguồn điện năng lượng tái tạo giảm phát, đồng thời ít phát thải CO₂.

Chính phủ Việt Nam cũng đã định hướng sử dụng nguồn nhiên liệu này trước mắt cho sản xuất điện từ những năm đầu của thế kỷ 21. Cụ thể, đã quy hoạch các dự án phát triển hạ tầng nhập khẩu LNG trong quy hoạch tổng thể phát triển ngành công nghiệp khí Việt Nam giai đoạn đến năm 2025, tầm nhìn

đến năm 2035 (Quy hoạch khí) và Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia giai đoạn 2011- 2020, tầm nhìn đến năm 2030 điều chỉnh (Quy hoạch điện VII điều chỉnh). Bên cạnh đó, điện khí LNG đã được đề cập tại Nghị quyết số 55-NQ/TW ngày 11/2/2020 của Bộ Chính trị về định hướng Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, nhưng phải đến khi các cam kết giảm phát thải về 0 vào 2050 của Thủ tướng Chính phủ đưa ra tại Hội nghị COP26, bài toán phát triển loại năng lượng này mới được định hình rõ nét. Hiện nay, Quy hoạch điện VIII đã đặt ra nội dung rất cụ thể, chi tiết về việc sử dụng LNG cho mục tiêu năng lượng chung của đất nước. Quy hoạch điện VIII cũng đã phê duyệt tổng công suất nguồn điện đến năm 2030 là 150.000 - 160.000 MW, gấp đôi tổng công suất hiện nay. Bên cạnh đó, Quy hoạch điện VIII đã xác định nguồn nhiệt điện khí tái hóa từ LNG (khí LNG) chiếm tỷ trọng khoảng hơn 14,9% tổng công suất toàn hệ thống phát điện quốc gia vào năm 2030 và là một trong các nguồn giúp đảm bảo cung cấp đủ, ổn định, an toàn hệ thống điện quốc gia. Đến năm 2030, tỷ trọng nhiệt điện than trong cơ cấu nguồn giảm từ gần 29% (năm 2020) xuống 20,5% (năm 2030); tỷ trọng điện sản xuất từ nguồn điện than giảm nhanh, từ 46,5% (năm 2020) xuống còn 34,8% (năm 2030). Trong khi đó, tỷ trọng nguồn điện khí tăng từ 10,2% (7,08GW) năm 2020 lên 21,8% (32GW) năm 2030. Đây là nguồn ít phát thải khí nhà kính hơn, đồng thời linh hoạt hỗ trợ tốt hơn cho nguồn năng lượng tái tạo; tỷ trọng điện sản xuất từ nguồn điện khí tăng mạnh, từ 12,5% (năm 2020) lên tới 25,5% (năm 2030). Như vậy, bảo đảm cung ứng điện và an ninh năng lượng quốc gia đến năm 2030 là thách thức rất lớn đối với Việt Nam hiện nay, bởi vừa phải tăng rất nhanh về quy mô, vừa phải chuyển đổi mạnh về cơ cấu để



tiệm cận mục tiêu trung hòa các-bon và phát triển cân đối các vùng miền, cân đối giữa nguồn và truyền tải.

Nhận thức rõ tầm quan trọng của LNG trong bối cảnh phát triển năng lượng gắn liền với BVMT, tương đương với việc dự báo được sự thiếu hụt nguồn khí tại Nam bộ trong tương lai, Chính phủ và các cơ quan chức năng đang gấp rút thực hiện hàng loạt chỉ đạo và cách thức vận hành cho các dự án khí - điện LNG lớn. Nghị Quyết số 55/NQ-TW của Bộ Chính trị cũng đã đưa ra nhiệm vụ phát triển công nghiệp khí “Ưu tiên đầu tư hạ tầng kỹ thuật phục vụ nhập khẩu và tiêu thụ LNG”, đồng thời, “Chú trọng phát triển nhanh nhiệt điện khí sử dụng LNG, đưa điện khí dần trở thành nguồn cung cấp điện năng quan trọng, hỗ trợ cho điều tiết hệ thống”. Ngoài ra, Quy hoạch điện VIII xác định rõ quan điểm phát triển là giảm tối đa các nhà máy nhiệt điện than với mục tiêu giảm tối đa phát thải khí CO₂; không phát triển thêm nhà máy nhiệt điện than mới; xem xét chuyển đổi một số nguồn điện sử dụng nhiên liệu than sang khí nhiên liệu hóa lỏng LNG.

2. NHỮNG THÁCH THỨC TRONG PHÁT TRIỂN ĐIỆN KHÍ LNG Ở VIỆT NAM

Phát triển điện khí LNG giúp tăng hiệu quả trong sản xuất điện, giảm sự phụ thuộc vào nhiệt điện than, giảm phát thải, BVMT và hướng đến mục tiêu phát triển bền vững của đất nước. Tuy nhiên, có nhiều biến số cho phát triển điện khí LNG ở Việt Nam, khi phải đối mặt với nhiều thách thức về thị trường, nguồn vốn cũng như chính sách... Sự phát triển nhiệt điện khí của Việt Nam trong tương lai được dự báo phụ thuộc vào nguồn LNG nhập, tuy nhiên, nếu thị trường LNG quốc tế có biến động lớn về giá, sẽ tác động không nhỏ đến giá thành sản xuất điện tại Việt Nam. Vì thế, các nhà máy cần được chạy ở tải nền mới có thể có giá tốt và dễ chấp nhận hơn, nhưng hiện tại chưa có khung giá phát điện của các dự án điện khí LNG, nên chưa thể đàm phán mức bao nhiêu là hợp lý, bởi nếu chỉ nhìn với mức giá LNG trên thế giới thời gian qua có những lúc lên tới 30 USD/triệu BTU, thì giá mua điện từ nguồn điện khí LNG sẽ cao hơn rất nhiều so với giá bán lẻ điện mà EVN bán ra cho nền kinh tế, các cơ quan giám sát tài chính của EVN khó lòng chấp nhận được, do đó, EVN không thể quyết được việc mua bán này.

Báo cáo của Viện Kinh tế năng lượng và phân tích tài chính (IEEFA) chỉ ra, giá LNG đã tăng gấp 3 lần trong vòng một năm, từ 8,21 USD/1 triệu BTU (tháng 1/2021) lên 24,71 USD vào đầu năm 2022. Xung đột Nga - Ukraine đã khiến giá LNG trên thị trường thế giới biến động mạnh, vượt ngoài mọi dự đoán trước đó. Giá LNG nhập khẩu cao là trở ngại trong tương lai khi ký các hợp đồng mua bán điện (PPA) giữa chủ đầu tư và Tập đoàn điện lực Việt Nam (EVN) do EVN sẽ phải mua đắt bán rẻ. Mặt khác, tỷ lệ điện khí LNG dự kiến đạt 14,9% cơ cấu nguồn điện, đồng nghĩa với việc các dự án loại năng lượng này sẽ phải đối diện rủi ro nhập khẩu giá cao khi có biến động địa chính trị từ nay tới năm 2030.

Theo Nghị quyết số 55/NQ-BCT của Bộ Chính trị về định hướng Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia của Việt

Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, Việt Nam đã đặt mục tiêu phát triển nhanh nhiệt điện khí LNG và ưu tiên phát triển hạ tầng nhập khẩu, phân phối LNG. Mục tiêu đặt ra là nhập khẩu 8 tỷ m³ LNG/năm vào năm 2030 và khoảng 15 tỷ m³ LNG/năm vào năm 2045. Do vậy, giá LNG tăng mạnh sẽ ảnh hưởng tới việc triển khai các dự án LNG tại Việt Nam trước mắt cũng như trong trung hạn vì tính bất định nguồn cung khí LNG do hậu quả đại dịch Covid-19 và cuộc xung đột Nga - Ucraina chưa kết thúc. Giá khí LNG sẽ quyết định giá thành bán điện của các dự án điện khí LNG. Hiện giá LNG về Việt Nam khoảng 10 - 12 USD/1triệu BTU, cộng các chi phí (tồn trữ, tái hóa, vận chuyển), giá giao tới các nhà máy tăng thêm 2 USD, tương đương 12 - 14 USD. Mức này gấp 1,5 lần giá nội địa, dẫn tới tăng chi phí phát điện của các nhà máy và mua điện của EVN trong bối cảnh cân đối tài chính khó khăn.

Tại Quy hoạch điện VIII, giá LNG (quy về năm 2020, không tính trượt giá) đến Việt Nam được dự báo là 10,6 USD/1 triệu BTU giai đoạn 2021 - 2045 và giá đến nhà máy điện trung bình là 11,8 USD/1 triệu BTU. Với mức giá này, giá điện sản xuất ra vào khoảng 9,2 UScent/kWh. Theo tính toán của các chuyên gia về lập quy hoạch điện, với dự án 3.200 MW, khi giá LNG dao động từ 10 USD - 20 USD, 30 USD, 40 USD/MMBTU, thì giá bán điện tương ứng sẽ là 9,03 UScent/kWh - 15,5 UScent - 22,07 UScent - 28,6 UScent/kWh. Để phát triển khoảng 23.000 MW điện khí từ LNG, nhu cầu nhập khẩu LNG hàng năm sẽ rơi vào khoảng 15 - 17 triệu tấn, tuy nhiên, dự báo của các tổ chức quốc tế đều cho thấy, giá LNG sẽ đạt đỉnh vào 2023, sau đó quay về trạng thái bình thường khi các nước xoay chuyển, đảm bảo được nguồn cung và chuyển đổi năng lượng để không phụ thuộc khí đốt vào một vài thị trường. Như vậy, đến năm 2026 - 2030, các dự án LNG mới vào vận hành, lúc đó mức giá LNG được dự báo sẽ ổn định và về dài hạn, nhu cầu về khí đốt giảm, giá sẽ hạ nhiệt.

Hiện nay, cả nước có 13 dự án điện LNG đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt trong danh mục các dự án quan trọng, ưu tiên đầu tư của ngành điện tại Quyết định số 500/QĐ-TTg. Theo đó, đến năm 2030 sẽ có 22.400 MW điện khí LNG, chiếm 14,9% tổng nguồn điện của cả nước với năng lực sản xuất 83 tỷ kWh. Nếu nhìn vào các dự án này thì chưa thể hòa lưới điện, giúp giảm tình trạng thiếu điện trong thời gian ngắn, bởi lẽ, các dự án điện LNG từ lúc có quy hoạch đến khi vận hành thường mất 8 - 10 năm, thậm chí lâu hơn. Nếu việc chậm tiến độ các nguồn điện, đặc biệt chậm phát triển nguồn điện nền như LNG sẽ có thể làm ảnh hưởng đến an ninh năng lượng.

Việc đàm phán giá điện đang gặp khó khăn do bên mua là EVN tính toán giá mua cao hơn giá bán lẻ điện bình quân mà đơn vị bán ra. Trong khi đó, Bộ Công Thương hiện tại vẫn chưa ban hành khung giá phát điện cho các nhà máy điện khí LNG nên việc cam kết tổng sản lượng điện mua hàng năm từ phía EVN và bao tiêu sản lượng khí hàng năm cũng khiến nhà đầu tư lo ngại hiệu quả của dự án. Hiện các nhà máy điện khí LNG được chấp nhận chủ trương đầu tư dưới hình thức nhà máy điện độc lập (IPP), theo đó, các nhà máy đều phải tham



gia thị trường điện, do vậy, không có quy định bên mua điện phải bao tiêu sản lượng điện, trừ các nhà máy có ràng buộc về bao tiêu nhiên liệu và có văn bản của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cho phép chuyển ngang các quy định bao tiêu nhiên liệu của nhà máy trong hợp đồng cung cấp nhiều liệu sang hợp đồng mua bán điện (PPA). Ngoài ra, công tác thu xếp vốn cho dự án cũng gặp thách thức không nhỏ bởi đây là dự án điện độc lập nên phải tự thu xếp vốn mà không có bảo lãnh của Chính phủ như trước. Vì vậy, việc thu xếp vốn khó khăn hơn, chi phí vay cao hơn, chưa kể việc thu xếp vốn phụ thuộc vào PPA nhưng công tác đàm phán PPA lại kéo dài.

Bên cạnh đó, Việt Nam chưa có kinh nghiệm trong xây dựng, vận hành các dự án kho cảng LNG và chuỗi dự án điện khí sử dụng LNG, cùng với đó là những khó khăn trong việc tìm kiếm địa điểm phù hợp, xây dựng kho cảng chứa LNG; thiếu kinh nghiệm trong đàm phán, ký kết nhập khẩu LNG; chưa có khung biểu giá điện khí LNG, tỷ lệ bao tiêu và cơ chế chuyển ngang giá khí sang giá điện; thiếu các quy định, quy chuẩn kỹ thuật về thiết kế, xây dựng, vận chuyển và vận hành, bảo trì kho cảng nhập khẩu khí LNG; an toàn trong hoạt động vận chuyển, bốc dỡ, lưu trữ nhiên liệu khí LNG... Mặt khác, nhiều dự án, chuỗi dự án khí - điện LNG đã được quy hoạch hoặc cho phép chủ trương đầu tư nhưng vẫn còn lúng túng trong khâu chỉ đạo và thực hiện triển khai chuỗi khí - điện do chưa hoàn thiện khung pháp lý, cơ chế quản lý cho các dự án đầu tư điện LNG theo hình thức đầu tư thông thường (IPP) nên khó thu xếp tài chính cho dự án quy mô hàng tỷ USD. Các quy định về thủ tục, trình tự đầu tư còn vênh nhau ở cấp Luật định (Luật Đầu tư, Luật Đấu thầu, Luật Xây dựng, Luật BVMT... và gần đây là Luật Quy hoạch). Cơ chế vận hành chuỗi khí điện đã được Thủ tướng Chính phủ cho phép thực hiện thí điểm, song chưa được thực hiện.

3. GIẢI PHÁP HIỆN THỰC HÓA MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN ĐIỆN KHÍ LNG THEO QUY HOẠCH ĐIỆN VIII

Theo Quy hoạch điện VIII, để hiện thực hóa mục tiêu phát triển nhiệt điện khí, trong đó có nhiệt điện LNG, cần giải quyết một số vấn đề liên quan đến cơ sở hạ tầng và cơ chế, chính sách. Trong đó, cần xây dựng hạ tầng kho cảng LNG mới, hiện đại, theo tiêu chuẩn quốc tế, tại các vị trí chiến lược, đủ khả năng tiếp nhận tàu chở LNG có kích thước lớn.

Về cơ sở hạ tầng, cần đầu tư xây dựng kho cảng LNG mới, hiện đại, theo tiêu chuẩn quốc tế, tại các vị trí chiến lược, đủ khả năng tiếp nhận tàu chở LNG có kích thước lớn. Đồng thời, xây dựng hệ thống tồn trữ và phân phối LNG, khí tái hóa từ LNG tại các khu vực tiêu thụ, bao gồm việc xây dựng kho chứa LNG quy mô nhỏ, đội tàu, xe chuyên dụng cho vận chuyển LNG, trạm phân phối và hệ thống tái hóa khí để cung cấp khí LNG cho khách hàng sử dụng điện, khu công nghiệp cũng như hộ tiêu thụ. Sự phát triển của ngành khí LNG phải đi đôi với quản lý an toàn và BVMT nên cần tuân thủ các quy định, tiêu chuẩn, quy

trình... đảm bảo an toàn trong sản xuất, vận chuyển, tồn trữ và sử dụng khí tái hóa từ LNG. Việc quy hoạch đồng bộ, tập trung các dự án nhập khẩu LNG (không phát triển dàn trải) giúp tiết kiệm nguồn lực xã hội, phát triển kinh tế và từ đó thúc đẩy thị trường LNG.

Về giá khí, giá LNG tại thị trường Việt Nam được định dưới tác động ảnh hưởng bởi 2 yếu tố chính: (1) Giá nhập khẩu LNG từ thị trường thế giới về Việt Nam và chi phí tiếp nhận, tồn trữ, tái hóa, phân phối LNG tại thị trường trong nước; (2) Giá nhiên liệu cạnh tranh hoặc tổng giá trị cạnh tranh tương đương. Giá nhiên liệu LNG đầu vào chiếm tới 70 - 80% giá thành điện bán ra, nếu sử dụng nhiên liệu giá cao thì dự án khó có thể tham gia thị trường điện, vì vậy, cần có cơ chế giá phù hợp cho thị trường LNG Việt Nam trong sản xuất điện và nghiên cứu thành lập Trung tâm đầu mối chuyên nhập khẩu LNG cung cấp cho các nhà máy điện, hoạt động dưới sự quản lý và giám sát của Nhà nước để đảm bảo tính công khai, minh bạch, chặt chẽ thị trường LNG trong nước. Tuy nhiên, việc này cũng có những khó khăn nhất định trong việc triển khai thực tế, đòi hỏi sự điều phối và hợp tác chặt chẽ giữa các nhà đầu tư, địa phương, các Bộ, ngành liên quan.

Bên cạnh đó, điện khí LNG là dạng chuỗi nhiên liệu, gồm nhiều mắt xích liên kết, trong đó khâu cảng và kho tồn trữ rất quan trọng, đòi hỏi yêu cầu kỹ thuật khắt khe. Việc chia nhỏ quy mô các địa điểm điện khí LNG sẽ làm giảm hiệu quả dự án, do vậy, cần có những giải pháp để khắc phục bất cập trên. Hơn nữa, trong giai đoạn bắt đầu nhập khẩu LNG, Nhà nước khuyến khích các doanh nghiệp trong và ngoài nước tham gia đầu tư hạ tầng nhập khẩu LNG để tăng nguồn lực đầu tư, đa dạng nguồn cung ứng khí đốt cho nền kinh tế quốc dân, việc phát triển này cần được xem xét, đánh giá với một lộ trình hợp lý, đảm bảo tỷ trọng hài hòa. Trong đó, các nguồn năng lượng cơ bản như LNG, khí tự nhiên vẫn sẽ chiếm vai trò quan trọng, bởi đây còn là nguồn cung công suất chạy nền tin cậy khi năng lượng tái tạo chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu nguồn điện, nhằm đảm bảo tính ổn định của hệ thống, đồng thời đáp ứng các mục tiêu về môi trường.

Ngoài ra, để đảm bảo phát triển ổn định của thị trường kinh doanh khí, Chính phủ và các cấp Bộ, ngành cần đưa ra lộ trình phù hợp, hài hòa, nhằm đảm bảo hiệu quả và khuyến khích dòng vốn đầu tư vào các dự án điện khí LNG. Đồng thời, cần xây dựng hành lang pháp lý cho việc triển khai các dự án hydrogen cũng như xây dựng các tiêu chuẩn, quy chuẩn quốc gia về hydrogen, tạo hành lang pháp lý đầy đủ cho việc thực hiện phát triển các dự án hydrogen và thị trường hydrogen trong tương lai; có cơ chế giao cho các tập đoàn, tổng công ty nhà nước đóng vai trò chủ lực, dẫn dắt để triển khai đầu tư phát triển hạ tầng nhập khẩu LNG quốc gia, giúp tận dụng tối đa nguồn lực về cơ sở hạ tầng cảng biển, kho chứa, đường ống... đảm bảo an toàn, an ninh năng lượng và lợi ích tổng thể quốc gia, tránh gây lãng phí đầu tư hạ tầng phân tán/rời rạc và nguồn lực xã hội.

(Xem tiếp trang 70)



▲ Cảnh quan KCN Nam Cầu Kiển

dẫn của cơ quan nhà nước và các đối tác, chúng tôi đang tiến hành đánh giá và xây dựng lộ trình cải tạo hệ thống, mua bán tín chỉ dựa trên hạn ngạch cho phép.

Đối với KCN, đầu tư các cơ sở hạ tầng được chú trọng như xây dựng các công trình sinh thái bằng việc tăng cường tỷ lệ cây xanh đa tầng, phục hồi đa dạng sinh học, hợp tác đầu tư các công trình giảm phát thải cacbon như năng lượng mặt trời. Kết nối cộng đồng doanh nghiệp cùng tham gia đóng góp các công trình chung hoặc chủ động đầu tư tại chính doanh nghiệp của mình. Nhờ đó, tăng tỷ lệ các công trình sinh thái, thân thiện với môi trường.

★Để triển khai Doanh nghiệp đổi mới công nghệ đáp ứng tiêu chuẩn “xanh” ông có đề xuất, kiến nghị gì với các cơ quan chức năng?

TS. Phạm Hồng Điệp: Thời đại công nghệ số là vô cùng quan trọng đặc biệt công nghệ số xanh để tiếp cận được nhanh chóng và phạm vi rộng là vô cùng thiết yếu trong phát triển nhanh và bền vững KCN sinh thái, kinh tế tuần hoàn, chống BĐKH.

Do đó, các cơ quan quản lý nhà nước cần nhanh chóng ban hành các quy định, chính sách liên quan tới phát triển về lĩnh vực xanh như phát triển của công nghiệp sinh thái kinh tế tuần hoàn. Dựa vào đó, doanh nghiệp có các căn cứ để xây dựng các bộ tiêu chuẩn sinh thái áp dụng cho doanh nghiệp, thông qua việc đồng bộ hóa lên các ứng dụng công nghệ được hiệu quả hơn. Bên cạnh đó, cũng cần có các gói tín dụng chính tài chính hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ tiếp cận công nghệ số.

Để triển khai thành công về công nghệ số, trước hết chính nội hàm doanh nghiệp cần được mô hình hóa lại cấu trúc một cách thống nhất về các quy trình, cách thức, phạm vi triển khai phát triển bền vững vào ứng dụng một công nghệ tiên tiến để trở thành công cụ hỗ trợ mỗi doanh nghiệp triển khai. Cần thấy rõ lợi ích từ việc thông tin thông suốt, liên kết, mọi lúc mọi nơi, đánh giá được hiệu quả của việc triển khai không chỉ của nội hàm doanh nghiệp mà còn sự quản lý, quản trị toàn KCN để có cách nhìn, tư vấn hỗ trợ cộng đồng doanh nghiệp cùng phát triển bền vững.

★Trân trọng cảm ơn ông.

NAM HÙNG (Thực hiện)

Tầm nhìn mới về điện khí LNG...

(Tiếp theo trang 43)

Ngoài ra, cần xây dựng cơ chế cụ thể để khuyến khích khai thác các nguồn khí trong nước, đặc biệt là nguồn khí đồng hành và mỏ nhỏ, mỏ cận biên trên cơ sở tính toán hiệu quả tổng thể từ thượng nguồn đến hộ tiêu thụ cũng như cân đối hài hòa giữa sản lượng nhập khẩu và sản lượng khai thác khí trong nước. Do giá LNG biến động mạnh, thiếu tính ổn định nên Chính phủ và các cấp thẩm quyền cần xây dựng cơ chế về giá khí LNG bán cho các hộ tiêu thụ điện phù hợp. Đây là điều kiện cần bản để đảm bảo hiệu quả và kích thích đầu tư cho các dự án điện khí LNG trong thời gian tới. Về phía các nhà máy điện khí, xem xét lựa chọn vị trí địa điểm phù hợp cho nhà máy điện khí LNG và đưa ra giải pháp thiết kế mang tính khả thi với chi phí chấp nhận được để so sánh lựa chọn tìm ra địa điểm tối ưu bởi các nhà máy này thường được xây dựng theo cụm và có quy mô công suất lớn đến hàng nghìn MW. Hiện tại, hạ tầng kết nối - vận chuyển nhiên liệu khí tại Việt Nam không có khả năng hỗ trợ liên kết kết nối giữa các địa điểm hay vùng miền nên việc lựa chọn địa điểm xây dựng chuỗi khí - điện cần thiết phải xem xét đến giới hạn về quy mô công suất cũng như tiềm năng cung cấp khí từ vị trí địa điểm

cho các hộ tiêu thụ khác để tăng hiệu quả kinh tế khi đầu tư hạ tầng kho cảng LNG. Đồng thời, cần có tính toán tổng hợp chênh lệch giữa các địa điểm về chi phí đầu tư giữa truyền tải điện với chi phí đầu tư trung chuyển LNG hoặc đầu tư đường ống dẫn khí để tìm ra địa điểm phù hợp.

Mặt khác, thúc đẩy triển khai 13 dự án điện khí LNG, trong đó tập trung đẩy nhanh tiến độ các dự án trọng điểm, ưu tiên phát triển các nguồn điện nền tại Việt Nam đến năm 2030, trong đó có các dự án điện khí LNG. Bởi chỉ còn 7 năm để thực hiện cho lộ trình 10 năm (đến năm 2030), quy mô nguồn điện phải tăng gấp 2 lần so với hiện nay và cơ cấu nguồn điện thay đổi căn bản theo hướng sạch hơn, cân bằng, ổn định hơn. Để đạt được mục tiêu này, cần huy động về nguồn vốn, công nghệ và sự quyết tâm, vào cuộc tích cực, trách nhiệm của cả hệ thống chính trị từ Trung ương đến địa phương

Tóm lại, để thúc đẩy sự phát triển thị trường khí LNG tại Việt Nam, có nhiều giải pháp quan trọng và cần thiết, vì vậy, phải có sự đầu tư hạ tầng bài bản; cơ chế, chính sách rõ ràng, khả thi, thực tế; xây dựng hệ thống phân phối và tiếp cận thị trường; thúc đẩy mối quan hệ hợp tác quốc tế...■